TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 999/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Trương Thị Kim Chọn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Ngọc L, sinh năm: 1991 (Có mặt);
Địa chỉ: ấp 4, xã X, huyện BC, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Quốc B – Công ty luật TNHH X và các cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh N, sinh năm: 1987 (Có mặt);
Địa chỉ: ấp 4, xã X, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Ngọc L trình bày:

Bà và ông Lê Minh N sống chung với nhau từ năm 2012, do hai người tự tìm hiểu. Hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện TT, tỉnh LA theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã với nhau do ông N có nhiều mối

quan hệ xã hội phức tạp, thiếu tôn trọng và xúc phạm nhau. Hai người sống ly thân gần một năm nay. Nay xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên bà yêu được ly hôn với ông Lê Minh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hải L, giới tính nam, sinh ngày 28/4/2013 và Lê Hồng Ng, giới tính nữ, sinh ngày 21/8/2015. Bà L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung hiện đang sống chung với bà. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là do bà thực hiện. Bà đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho con chung. Bà hiện kinh doanh hoa tươi và cây giống nên có thu nhập ổn định. Thu nhập hàng tháng của bà khoảng từ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Hàng tháng thì ông N có gửi cho bà số tiền để nuôi con số tiền từ 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tháng 7/2019 ông N có gửi bà số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Minh N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quá trình sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, ông không thống nhất với bà L về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa hai người chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, có thể hàn gắn được. Vợ chồng có một vài lần cãi vã nhau nên bà L có bỏ đi nhưng sau đó vợ chồng làm hòa. Ông rất có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình, ông nhiều lần gặp bà L để năn nỉ hàn gắn hạnh phúc gia đình, ông cũng rất chịu khó kiếm tiền để vun đắp hạnh phúc gia đình và chăm lo cho con cái. Nhưng phía bà L không đồng ý hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hai người sống ly thân gần một năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được, ông vẫn rất còn yêu thương vợ, ông không muốn con cái phải sống thiếu tình thương của cha mẹ nên ông không đồng ý ly hôn với bà L. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hải L, giới tính nam, sinh ngày 28/4/2013 và Lê Hồng Ng, giới tính nữ, sinh ngày 21/8/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi con chung thì ông đồng ý. Ông đồng ý với yêu cầu của bà L không yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông cũng trình bày thêm là mỗi tháng ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ làm cha đối với con, hàng tháng ông đều gửi tiền cho bà L để nuôi con, có tháng ông gửi bà L số tiền cao nhất là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), có tháng ông gửi số tiền thấp nhất là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), thường tháng thì ông gửi số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp cần thiết, ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và lời trình bày nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Nguyễn Quốc Bảo trình bày: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ông đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trịnh Ngọc L yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Minh N. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện TT, tỉnh LA cấp ngày 30/7/2012, giữa bà Trịnh Ngọc L và ông Lê Minh N là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời trình bày của bà L thì đời sống chung vợ chồng của bà L và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do quan điểm sống, cách giáo dục con cái của hai người không hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, hai bên thường xuyên xúc phạm nhau. Ông N xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà L có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được; ông rất còn yêu thương vợ và không muốn con cái phải thiếu thốn tình cảm cha mẹ; nhưng phía bà L không đồng ý hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, đời sống chung vợ chồng giữa bà L và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cải vã, không quan tâm chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống với nhau, hai người thường xuyên xúc phạm nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng không thành. Ông N cũng thừa nhận trong quá trình sống chung, vợ chồng ông đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Ông N không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà được bà L đồng ý. Mặt khác, hai người đã sống ly thân với nhau, vi

phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Ngọc L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung tên Lê Hải Long, giới tính nam, sinh ngày 28/4/2013 và trẻ Lê Hồng Ngọc, giới tính nữ, sinh ngày 21/8/2015. Bà L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trẻ Long và trẻ Ngọc hiện đang sống chung với bà L. Bà L có thu nhập ổn định và chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho 02 trẻ. Ông N cũng có ý kiến đồng ý giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Hải L và trẻ Hồng Ng cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

[3]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[4] Về án phí: Bà Trịnh Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trịnh Ngọc L và ông Lê Minh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện TT, tỉnh LA cấp ngày 30/7/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lê Hải Long, giới tính nam, sinh ngày 28/4/2013 và trẻ Lê Hồng Ngọc, giới tính nữ, sinh ngày 21/8/2015 cho bà Trịnh Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trịnh Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0030855 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt